

Số: 03/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2026

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Thông tư số 56/2022/TT-BTC)**

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

“b) Cơ quan quản lý cấp trên (đơn vị dự toán cấp I) xem xét, thẩm tra dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định của các đơn vị trực thuộc; trong đó xác định kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ; dự kiến phân loại các đơn vị trực thuộc theo mức tự chủ tài chính, tổng hợp phương án phân loại và dự toán thu, chi của các đơn vị, gửi cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan tài chính cấp tỉnh) hoặc phòng có chức năng tham mưu về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan tài chính cấp xã) (dưới đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn về tài chính) theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 56/2022/TT-BTC để xem xét, có ý kiến bằng văn bản về việc phân loại đơn vị theo mức tự chủ tài chính; kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ;

- Sau khi có ý kiến của cơ quan chuyên môn về tài chính, cơ quan quản lý cấp trên (đơn vị dự toán cấp I) quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc.

- Đối với các đơn vị thuộc tổ chức chính trị, thẩm quyền giao quyền tự chủ cho các đơn vị thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về tài chính căn cứ phương án tự chủ tài chính của đơn vị báo cáo, xem xét, thẩm tra dự toán thu, chi thường xuyên giao tự chủ năm đầu thời kỳ ổn định của đơn vị; trong đó xác định kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ; dự kiến phân loại đơn vị theo mức độ tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị (áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã);

Mẫu Quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư 56/2022/TT-BTC.”

### 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 11 như sau:

“3. Quy chế chi tiêu nội bộ cần được tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn (nếu có); báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công có thành lập Hội đồng quản lý, đơn vị trình Hội đồng quản lý thông qua dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ trước khi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét, có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại các nội dung chi chưa phù hợp với quy định của pháp luật;

Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, Thủ trưởng đơn vị ký ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện; đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.”

4. Bổ sung điểm 1.3 (Thu từ ngân sách nhà nước cấp bù học phí để thực hiện chính sách miễn giảm học phí) tại khoản 1 mục A phần III Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 06.

## **Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản của Thông tư số 56/2022/TT-BTC.**

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” và cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 9, gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 16; cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm d khoản 1 Điều 18, điểm d và đ khoản 1 Điều 19.

2. Thay thế cụm từ “Cơ quan tài chính cùng cấp” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan tài chính cấp tỉnh) hoặc phòng có chức năng tham mưu về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan tài chính cấp xã)” tại khoản 1 Điều 9.

3. Thay thế cụm từ “Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại điểm a khoản 2 Điều 10.

4. Thay thế cụm từ “tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có)” bằng cụm từ “tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có)” tại điểm b khoản 2 Điều 4; khoản 1, khoản 2 mục B Phụ lục 01; khoản 1 Mục C Phụ lục số 05; cụm từ “tiền công” bằng cụm từ “tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có)” tại Mục II Biểu mẫu báo cáo số 1 kèm theo Phụ lục số 2; Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 3; Mục IV Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 6.

5. Bãi bỏ cụm từ “trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 3; cụm từ “tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có)” tại điểm a khoản 1 Điều 10; cụm từ “tiền công” tại điểm a khoản 1 Điều 10 và điểm b khoản 2 Điều 10; cụm từ “các khoản đóng góp theo lương” tại điểm b khoản 11 mục C Phụ lục số 5.

6. Bãi bỏ khoản 5 Điều 9.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết ./ *nv*

**Nơi nhận:** ✓

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Các KBNN khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN (100 bản) ✓

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**